

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 506/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 9 - 2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2. Ông Đặng Văn Ân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Hoàng Phương Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại Phòng xử án Hôn nhân gia đình và người chưa thành niên thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 38/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 297/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 287/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Cẩm G**, sinh năm 1989;

Số Căn cước công dân: 082189003700; ngày cấp: 06/8/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ: C6/26 V ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Đinh Hoàng Anh T**, sinh năm 1988;

Số Căn cước công dân: 079088022246; ngày cấp: 06/8/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ: C6/26 V ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà G có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên hòa giải nguyên đơn bà Huỳnh Thị Cẩm G trình bày: Bà G và ông Đinh Hoàng Anh T bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2012, do tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 24/02/2012. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, ông T thường xuyên nhậu nhẹt, có đánh bà G, cả hai ly thân nhau từ đầu năm 2025 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên bà G yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà G có 01 (một) con chung tên Đinh Hoàng Bảo T1 (giới tính nữ) sinh ngày 11/6/2012. Sau khi ly hôn, bà G yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bà G yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Bà G khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà G xác nhận không có.

Do bận công việc nên bà G đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ngoài ra bà G không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Đinh Hoàng Anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Cẩm G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị Cẩm G nộp đơn xin ly hôn với ông Đinh Hoàng Anh T tại Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đinh Hoàng Anh T hiện đang cư trú tại C6/26 V3 ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách

quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên ông T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Ông T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu xin ly hôn, lời trình bày của bà G và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2012, quyền số 01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/02/2012 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Cẩm G và ông Đinh Hoàng Anh T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà G xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà G yêu cầu được ly hôn với ông T để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của bà G hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà G thì quan hệ vợ chồng của bà G và ông T đã phát sinh mâu thuẫn từ rất lâu, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, cả hai hiện đang sống ly thân nhau. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà G và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Mặt khác, do ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để mời tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện ông T không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà G đối với ông T.

[4] Về con chung:

Ngày 21/7/2015 Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Công văn số 497/TANDKV10 về việc xác minh tình trạng hôn nhân và đã giao trực tiếp cho Ủy ban nhân dân xã B, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng cho đến nay vẫn chưa nhận được kết quả trả lời.

Bà Huỳnh Thị Cẩm G xác nhận bà và ông T chung sống với nhau có 01 (một) con chung tên Đinh Hoàng Bảo T1 (giới tính nữ) sinh ngày 11/6/2012 hiện nay đang sống với bà G. Sau khi ly hôn, bà G yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bà G yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

[4.1] Về quyền nuôi con: Xét, bà G và ông T không có tranh chấp về quyền nuôi con và mức cấp dưỡng cho con, bà G xác nhận hiện con chung đang sống chung với bà, đồng thời ý kiến của trẻ Bảo Trân nêu ba mẹ không còn chung sống

với nhau nữa thì trẻ muốn sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giao trẻ Đinh Hoàng Bảo T1 (giới tính nữ) sinh ngày 11/6/2012 cho bà G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4.2] Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng cho con khi ly hôn, do ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông T đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”.

Đồng thời, theo quy định tại Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trên địa bàn huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuộc vùng I) có mức lương tối thiểu tháng là 4.960.000 đồng/tháng.

Xét thấy, mức cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) là hợp lý. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà G về việc yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà G xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết còn ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[6] Về án phí:

[6.1] Bà Huỳnh Thị Cẩm G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6.2] Ông Đinh Hoàng Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Cẩm G đối với ông Đinh Hoàng Anh T.

Bà Huỳnh Thị Cẩm G được ly hôn với ông Đinh Hoàng Anh T. Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2012, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/02/2012 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung là trẻ Đinh Hoàng Bảo T1 (giới tính nữ) sinh ngày 11/6/2012 cho bà G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Đinh Hoàng Anh T cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Bà Huỳnh Thị Cẩm G và ông Đinh Hoàng Anh T thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng cho con vào ngày 27 Tây hàng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện từ ngày 27/10/2025 cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng cho con được chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Đinh Hoàng Anh T không thực hiện việc cấp dưỡng cho con theo thỏa thuận thì bà Huỳnh Thị Cẩm G có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông Đinh Hoàng Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Kể từ khi bà Huỳnh Thị Cẩm G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đinh Hoàng Anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con thì ông Đinh Hoàng Anh T phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con sau này.

Ông Đinh Hoàng Anh T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí:

4.1 Bà Huỳnh Thị Cẩm G chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà G đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002895 ngày 10/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà G đã nộp đủ án phí.

4.2 Ông Đinh Hoàng Anh T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM (01);
- VKSND TP. HCM (01);
- VKSND KV10-TP.HCM (01);
- THADS TP.HCM (01);
- Các đương sự (04);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (01);
- Lưu hồ sơ (03).



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Nguyễn Thanh Thảo